

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2025

*"V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hòa

2. Bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thùy D, sinh năm 1994

HKTT: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La.

"Có đơn xin xét xử vắng mặt"

Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

"Vắng mặt lần 2 không có lý do"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Cháu Phạm Trung K, sinh ngày 17/7/2012

- Cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 29/6/2016

"Đều vắng mặt lần 2 không có lý do"

Người đại diện hợp pháp cho cháu K, cháu T: Anh Phạm Văn V và chị Phan Thùy D (là bố mẹ đẻ các cháu).

Người làm chứng:

- Bà Bùi Thị S, sinh năm 1966 "Vắng mặt"
Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.
- Bà Trần Thị Q, sinh năm 1972 "Vắng mặt"
Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La.

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phan Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn V tự quen biết và tìm hiểu được khoảng 02 tháng tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/10/2011. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng với bố mẹ anh V tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Đến năm 2016 vợ chồng xây nhà trên đất của bố mẹ anh V để ra ăn ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xô sát cãi nhau, trong lúc cãi nhau anh V đều đánh chị nhưng không xảy ra thương tích gì. Việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau gia đình hai bên bố mẹ đều biết và khuyên bảo nhưng không được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đến tháng 4/2022 vợ chồng chị xảy ra xô sát cãi nhau, anh V đã đánh đuổi chị ra khỏi nhà, chị xác định không thể chung sống cùng được với anh V nên đã thuê nhà và đăng ký tạm trú tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên để ở và làm việc, được khoảng 8 tháng thì chị về quê ở cùng bố mẹ đẻ tại Sơn La. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, kinh tế hoàn toàn độc lập. Trong thời gian sống ly thân anh V không đi tìm chị về lần nào mà chỉ điện thoại dọa nạt, mắng chửi chị. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Trung K, sinh ngày 17/7/2012 và cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 29/6/2016. Hiện các cháu đang ở cùng với anh V. Ly hôn chị nhường quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho anh V và không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh V;

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức; nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Phạm Văn V đến Tòa án để lấy lời khai và hòa giải đoàn tụ nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do. Ngày 25/11/2024, Tòa án kết hợp cùng chính quyền địa phương xuống tận nhà anh V làm việc, tại buổi làm việc bị đơn anh Phạm Văn V trình bày: Anh đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án cũng giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên anh không đến Tòa án làm việc; Về quan hệ hôn nhân: Anh V thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng.

Anh thừa nhận cuộc sống hôn nhân có phát mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn nên vợ chồng xảy ra xô sát cãi nhau, trong lúc cãi nhau anh cũng có tát chị D một hai cái nhưng không xảy ra thương tích gì. Đến tháng 4/2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, chị D đã xin phép bố mẹ anh đi nơi khác làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian sống ly thân anh cũng đã đi tìm chị D về nhưng không gặp, điện thoại có lúc chị D nghe, có lúc không nghe. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh rất muốn chị D suy nghĩ lại về đoàn tụ cùng anh nuôi dạy các con chung. Còn chị D vẫn cương quyết ly hôn anh cũng đành chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Trung K, sinh ngày 17/7/2012 và cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 29/6/2016. Hiện các cháu đang ở cùng với anh, ly hôn anh xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Trung K và Phạm Bảo T đều có nguyện vọng: Nếu bố mẹ ly hôn xin được ở với bố.

Người làm chứng bà Bùi Thị S là mẹ đẻ của anh V và bà Trần Thị Q là mẹ đẻ chị D đều xác định: Anh V và chị D có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2011, hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay xảy ra cãi nhau. Chị D và anh V đã không chung sống với nhau từ tháng 4/2022 đến nay. Nay chị D, anh V ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh V, chị D 02 con chung là cháu Phạm Trung K, sinh ngày 17/7/2012 và cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 29/6/2016.

Bà S có ý kiến đề nghị Tòa án giao cả hai cháu K và T cho anh V được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu chị D phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh V.

Xác minh tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh V và chị D có đăng ký tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 08/10/2011 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; về tình trạng hôn nhân của anh V, chị D, UBND xã được biết là quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung nên xảy ra xô sát cãi nhau nhưng chưa lần nào anh V, chị D đề nghị UBND xã giải quyết. Năm 2023 chị D đã bỏ đi nơi khác sinh sống, hiện không có mặt tại địa phương. Anh Phạm Văn V hiện đang sinh sống tại thôn Đ, xã C huyện T và có mặt tại địa phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V vắng mặt không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải các bên đương sự được.

Tại phiên tòa ngày 06/01/2025, vắng mặt anh Phạm Văn V không có lý do nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Chủ tọa phiên tòa, công bố bản tự khai, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND xã C, huyện T và các tài liệu khác.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tòa án tiến hành triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thùy D, xử cho chị Phan Thùy D được ly hôn với anh Phạm Văn V.

- Về con chung: Giao các cháu Phạm Trung K, sinh ngày 17/7/2012 và cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 29/6/2016 cho anh Phạm Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu K và T đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, nguyên đơn và bị đơn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị Phan Thùy D khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn V có nơi cư trú tại xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Anh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 06/01/2025 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 14/01/2025. Anh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ

lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thùy D, HĐXX thấy: Chị D và anh V có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung, không có tiếng nói chung, thường xảy ra xô sát đánh cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình, khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà trầm trọng hơn. Đến tháng 4/2022 chị D đã bỏ đi nơi khác làm ăn và về ở cùng với bố mẹ đẻ chị tại Sơn La. Chị D, anh V sống ly thân từ đó có đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Quan điểm của anh V cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, chị D có đơn xin ly hôn, anh xin đoàn tụ nhưng chị D cương quyết anh cũng chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh V.

[3]. Về con chung: Anh chị có hai con chung 02 là cháu Phạm Trung K, sinh ngày 17/7/2012 và cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 29/6/2016. Hiện các cháu đang ở cùng với anh V, các cháu đều xin được ở với anh V. Ly hôn anh V có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu K và T, anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Chị D đồng ý, cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu xin được ở với bố. Nên HĐXX sẽ giao cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu K và T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do anh V không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của anh V.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Phan Thùy D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 BLTTDS

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thùy D được ly hôn anh Phạm Văn V.

2. *Về con chung*: Xử giao cháu Phạm Trung K, sinh ngày 17/7/2012 và cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 29/6/2016 cho anh Phạm Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu K, T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị không yêu cầu, nên không xem xét.

Chị D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, công sức; nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu. HĐXX không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Chị Phan Thùy D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001055 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự, đại diện hợp pháp cho người chưa thành niên biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã C
(Số 76, quyền số 01/2011)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc